TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **37**/2017/DSST.
Ngày: 14/9/2017.
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký TAND huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLST – DS ngày 21/4/2017; về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 20/2017/TB-TA, ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như Th, sinh năm 1979; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Gia T, sinh năm 1971; Vắng mặt.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1956; Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Như Th yêu cầu:

Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông Đ phải trả số tiền vay gốc là 203.200.000đ, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể, trong khoảng thời gian

từ ngày 08/10/2011 đến ngày 15/8/2015, bà T đã vay của bà Th tổng cộng 204.000.000đ, gồm các lần: lần thứ nhất vào ngày 08/10/2011 bà T vay **44.000.000đ**; lần thứ hai vào ngày 18/10/2011 bà T vay tổng cộng **80.000.000đ**; lần thứ ba vào ngày 15/3/2012 bà T vay **50.000.000đ**; lần thứ tư vào ngày 15/8/2015 bà T vay **30.000.000đ**. Hai bên có viết giấy vay tiền giao bà Th giữ. Sau khi vay, bà T đã trả được cho bà Th số tiền 800.000 Đ, còn lại 203.200.000đ đến nay nhiều lần bà Th yêu cầu bà T trả nhưng bà T không thực hiện. Bà Th làm đơn yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tánh Linh xử lý bà T hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng kết quả điều tra xác định quan hệ giữa hai bên là tranh chấp dân sự nên bà Th khởi kiện vợ chồng bà T tại Tòa án, yêu cầu trả số tiền 203.200.000đ còn thiếu. Số tiền vợ chồng bà T còn thiếu là tài sản chung của vợ chồng bà Th, nên bà Th yêu cầu vợ chồng bà T phải trả số nợ trên cho vợ chồng bà Th, ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị Gia T đến Tòa án trình bày ý kiến để giải quyết vụ án, nhưng bà T vắng mặt không tham gia tố tụng. Tuy nhiên thể hiện trong các biên bản lấy lời khai do Công an huyện Tánh Linh cung cấp, bà T trình bày như sau:

Bà T công nhận chữ ký trong các giấy vay tiền mà bà Th đã nộp làm căn cứ khởi kiện đúng là chữ ký của bà T tự nguyện ký tên. Quá trình vay tiền của bà Th như sau: vào ngày 15/3/2012 vay **50.000.000đ**, đến nay chưa trả; ngày 08/10/2011 âm lịch vay **40.000.000đ – đã trả**; ngày 18/10/2011 cầm xe để vay **30.000.000đ** – sau đó bà Th đã bán xe để thu hồi tiền nợ; ngày 18/10/2011 vay **44.000.000đ** – thực tế chỉ vay 40.000.000đ, trả góp là 44.000.000đ nhưng đến nay bà T đã trả góp hết số nợ này; ngày 15/8/2015 âm lịch cầm xe vay 30.000.000đ, nhưng bà Th đã bán xe thu hồi phần nợ; ngày 24/12/2012 âm lịch có viết giấy cầm đất thể hiện vay 50.000.000đ nhưng là chốt nợ cho lần vay ngày 18/10/2011 âm lịch; Đến nay bà T thừa nhận chỉ còn nợ bà Th số tiền **50.000.000đ** và đồng ý trả số tiền này cho bà Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, thông báo cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí Đ đến Tòa án trình bày ý kiến để giải quyết vụ án, nhưng ông Đ vắng mặt không tham gia tố tụng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh D trình bày:

Ông D và bà Th có mối quan hệ là vợ chồng. Số tiền mà bà T còn nợ là tài sản chung của vợ chồng ông D bà Th; Ông D yêu cầu bị đơn trả nợ vay cho vợ chồng ông D.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Như Th đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Riêng bị đơn – bà Nguyễn Thị Gia T, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí Đ và ông Nguyễn Minh D không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 và 72 BLTTDS.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như Th. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Gia T và ông Nguyễn Chí Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Th, ông D số tiền còn nợ là 203.200.000Đ. Buộc vợ chồng bà T, ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - bà Nguyễn Thị Gia T; người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chí Đ và ông Nguyễn Minh D vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà T, ông Đ và ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Do từ ngày 08/10/2011 đến ngày 15/8/2015, bà Nguyễn Thị Gia T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Như Th nhưng sau đó không trả tiền vay gốc nên bà Th đã khởi kiện vợ chồng bà T tại Tòa án, yêu cầu phải trả tiền vay gốc. Bị đơn bà T công nhận có vay tiền của bà Th, nhưng không thống nhất được số tiền phải trả. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Như Th:

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Như Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Gia T, ông Nguyễn Chí Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Như Th, ông Nguyễn Minh D số tiền đã vay là 203.200.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bởi vì vào ngày 08/10/2011 bà T vay **44.000.000đ**; ngày 18/10/2011 vay **30.000.000đ** thông qua việc cầm xe máy, sau đó bà T đã xin lấy xe máy ra rồi viết lại giấy nhận nợ; đến ngày 18/10/2011 bà T tiếp tục vay số tiền 44.000.000đ, theo hình thức góp, số tiền nợ vay này đến ngày 24/12/2012 bà T chốt cả nợ gốc và lãi là **50.000.000đ**, bà T viết giấy nợ có tiêu đề giấy cầm đất; ngày 15/3/2012 bà T vay **50.000.000đ**; ngày 15/8/2015 bà T vay **30.000.000đ**. Tổng số tiền bà T vay của vợ chồng bà Th là 204.000.000đ. Sau đó bà T có trả được cho bà Th số tiền 800.000đ dưới hình thức góp mỗi ngày 200.000đ; hiện còn nợ lại số tiền 203.200.000đ chưa trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Th đã cung cấp các giấy vay tiền có chữ ký của bà T.

Thể hiện trong những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ; trong biên bản lấy lời khai của bà T do Công an huyện Tánh Linh cung cấp tại bút lục số 39, 40 thì bà Nguyễn Thị Gia T công nhận có vay tiền của bà Th theo số tiền vay gốc và từng thời điểm vay như bà Th đã trình bày; bà T công nhận chữ ký trong các giấy vay tiền do bà Th cung cấp là chữ ký của bà T. Nhưng bà T cho rằng trong tổng số tiền gốc 204.000.000đ đã vay thì bà T đã trả được cho bà Th số tiền 154.000.000đ, khi trả thì bà T không có lập giấy tờ thể hiện việc trả nợ; hiện nay bà T chỉ còn thiếu bà Th 50.000.000đ, bà T đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, cho đến thời điểm xét xử vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, nhưng bà T vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh là đã trả được cho bà Th số tiền 154.000.000đ nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 BLDS 2015.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Quá trình thu thập chứng cứ đã xác định được hiện nay bà T và ông Đ là vợ chồng, vẫn đang sống và làm ăn chung với nhau, bà T thực hiện việc vay tiền của bà Th phục vụ cho việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, đồng thời bà T vay bà Th với số tiền lớn thì ông Đ phải biết. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định số tiền mà bà T còn nợ của bà Th là nợ chung của vợ chồng bà T, ông Đ. Theo đó cần buộc vợ chồng bà T, ông Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014.

Từ phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Gia T, ông Nguyễn Chí Đ có trách nhiệm liên đới phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Như Th – ông Nguyễn Minh D số tiền **203.200.000đ**; chia phần bà T và ông Đ mỗi người phải trả cho vợ chồng bà Th, ông D số tiền 101.600.000đ là phù hợp.

[5] Về án phí: Cần buộc vợ chồng bà T, ông Đ phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà Th là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS;

- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như Th. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Gia T, ông Nguyễn Chí Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Như Th, ông Nguyễn Minh D số tiền **203.200.000đ**. Chia phần bà Nguyễn Thị Gia T và ông Nguyễn Chí Đ mỗi người phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Như Th, ông Nguyễn Minh D số tiền **101.600.000đ**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Gia T, ông Nguyễn Chí Đ phải liên đới nộp 10.160.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà Nguyễn Thị Gia T và ông Nguyễn Chí Đ mỗi người phải nộp 5.080.000đ án phí DS/ST.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Như Th số tiền 5.100.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011894, ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/9/2017. Bị đơn, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ